

Thứ sáu, ngày 26 tháng 1 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/1/2024		●	
Tuần 29/01 - 02/02/2024		●	
Tháng 1/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tăng hơn 5 điểm hôm nay lên mốc 1,175.67 với thanh khoản yếu, vẫn duy trì xu hướng giằng co tại ngưỡng 1,175. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng hôm nay, theo sau là ngành Ô tô và phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường hiện tại đang cho thấy tâm lý âm ảm giai đoạn cuối năm. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên cuối cùng của năm âm lịch.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/1/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index +0.45 điểm, đóng cửa 1175.67 điểm. HNX-Index +0.4 điểm, đóng cửa 229.43 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+1.39), BID (+0.78), GVR (+0.55), ACB (+0.49), TCB (+0.35).
- Kéo chỉ số giảm: SAB (-0.46), MSN (-0.35), GAS (-0.11), VHM (-0.11), MWG (-0.11).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,949 tỷ đồng, tăng 9.37% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,899 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 3.32 điểm. Thị trường có 253 mã tăng, 129 mã tham chiếu, 193 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 234.15 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG(91.65 tỷ), HSG(82.13 tỷ), VCG(76.03 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 2.17 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +0.49%. Các mã diễn biến tích cực: NLG (+2.86%), GVR (+2.63%), VGC (+2.18%).
- BSC50 +0.41%. Các mã diễn biến tích cực: DRC (+6.85%), SZC (+5.48%), HSG (+1.95%).

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	1.77%	Dầu khí	0.09%
Ô tô và phụ tùng	1.56%	Hàng & Dịch vụ	0.08%
Du lịch và Giải trí	0.98%	Điện, nước & xăng	0.07%
Công nghệ Thông tin	0.86%	Thực phẩm và đồ	0.63%
Ngân hàng	0.79%	Bán lẻ	0.73%
Xây dựng và Vật liệu	0.58%	Truyền thông	0.89%
Bảo hiểm	0.57%	Y tế	0.95%
Dịch vụ tài chính	0.51%		
Tài nguyên Cơ bản	0.39%	VN30	0.45%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.28%	VNMID	0.41%
Bất động sản	0.25%	VNSML	0.27%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX 1175.67

Giá trị: 10949.16 tỷ 0.45 (5.3%)

Khối ngoại (ròng): 234.15 tỷ

HNX-INDEX 229.43

Giá trị: 910.71 tỷ 0.4 (0.91%)

Khối ngoại (ròng): 2.17 tỷ

UPCOM-INDEX 87.70

Giá trị: 487.29 tỷ 0.02 (0.02%)

Khối ngoại (ròng): 46.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	77.1	2.74%
Giá vàng	2,019	0.34%
Tỷ giá USD/VND	24,607	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,664	-12.00%
Tỷ giá JPY/VND	166.49	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	0.81%	
LS TPCP 5 năm	1.37%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	91.65	VHM	-108.29
HSG	82.13	SAB	-84.82
VCG	76.03	MSN	-57.29
EIB	69.22	VNM	-38.64
NLG	68.76	VIC	-27.51

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 26/01/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.15	2.74%	4.32%	2.08%	-5.09%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.29	2.80%	4.03%	1.78%	-5.48%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.26	2.13%	3.34%	3.87%	-18.68%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.59	-1.88%	-3.92%	7.13%	-9.74%		
TTF Gas	EUR/MWh	27.78	-3.96%	-0.39%	-18.70%	-49.31%		
Vàng	Ounce	2,019.38	0.34%	-0.16%	-2.29%	4.69%		PNJ
Bạc	Ounce	22.89	0.87%	0.65%	-5.38%	-4.18%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,223.00	-1.39%	0.78%	-7.28%	-19.72%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	15.21	0.20%	0.46%	-5.53%	-21.92%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	154.30	0.33%	-0.19%	4.33%	5.40%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	24.04	-1.72%	4.34%	17.10%	16.25%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	357.50	0.00%	-0.69%	8.99%	-25.52%		DPM, DCM
Niken	LB	16,416.00	2.15%	3.64%	0.84%	-43.30%		PC1
Đồng	LB	3.87	-0.40%	3.25%	-0.53%	-9.37%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,380.00	0.00%	-2.46%	-14.70%	-10.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,950.00	1.02%	2.81%	-0.15%	-5.48%		HPG
Nhôm	Ton	2,237.00	0.34%	3.40%	-6.28%	-15.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent giao sau tăng 2.39 USD, tương đương 2.80%, lên 82.29 USD/thùng. Dầu thô West Texas Intermediate của Mỹ tăng 2.27 USD, tương đương 2.74%, lên 77.15 USD.
- Giá dầu đã tăng khoảng 3% lên mức cao nhất kể từ tháng 12/2023 sau khi dữ liệu kinh tế của Mỹ cho thấy tăng trưởng nhanh hơn dự kiến trong quý trước và khi căng thẳng ở Biển Đỏ tiếp tục làm gián đoạn thương mại toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.34% lên 2,019.38 USD/ounce vào lúc 1849 GMT. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.1% lên 2,017.8 USD.
- Vàng tăng cao hơn khi lợi suất trái phiếu kho bạc giảm sau khi dữ liệu GDP của Mỹ nhấn mạnh rằng tốc độ lạm phát chậm lại, điều này có thể đẩy nhanh chiến lược cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang.

Quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) tăng 1.6% lên 987 nhân dân tệ (137.80 USD)/tấn. Quặng sắt trên Sàn giao dịch Singapore giảm 0.07% còn 1,35.10 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn biến động trái chiều, với giá tăng phiên thứ ba liên tiếp tại Đại Liên Trung quốc do kỳ vọng về sự thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc sau động thái kích thích của ngân hàng trung ương, trong khi giá Singapore giảm thấp hơn.

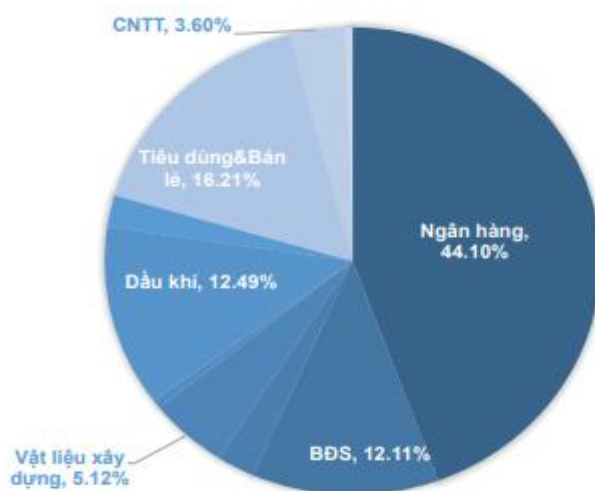
Giá hàng hóa khác

- Chốt phiên, giá đậu tương kỳ hạn tháng 3/2024 của Sở giao dịch Chicago (CBOT) giảm 18-3/4 cent, tương đương 1.6%, xuống 12.21-1/2 USD/bushel và dầu đậu tương kỳ hạn tháng 3/2024 giảm 0.84 cent, tương đương 1.8%, xuống 46.48 cent/pound.
- Giá đường kỳ hạn tháng 3/2024 giảm 0.42 cent, tương đương 1.7%, xuống 24.04 cent/lb sau khi thiết lập mức cao nhất trong 7 tuần là 24.62 cent. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2024 giảm 1.5% xuống 675.30 USD/tấn.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	92.0	8.6%	0.7	21,065	3.6	6,013	15.3	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.0	26.0%	1.0	11,431	1.6	3,887	12.6	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	3.4%	1.0	6,419	6.1	1,532	12.9	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	35.4	20.0%	1.2	5,108	4.6	5,111	6.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.0	23.6%	1.2	4,699	8.6	3,668	6.0	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.3	10.2%	0.9	2,340	18.8	3,825	7.9	31,200	22.5%	Link
GVR	BDS KCN	21.4	7.3%	1.8	3,515	2.1	583	36.8	19,100	0.3%	Link
KBC	BDS KCN	30.2	-2.9%	1.5	950	7.5	1,880	16.1	42,500	20.8%	Link
IDC	BDS KCN	-	-	-	-	-	-	-	45,900	-	Link
VGC	BDS KCN	51.5	-5.5%	1.6	946	0.9	3,078	16.7	-	5.4%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.4	6.8%	1.4	6,753	16.7	322	88.1	23,300	24.5%	Link
VHM	Bất động sản	42.0	1.7%	1.3	7,492	7.5	9,468	4.4	79,900	22.4%	Link
VRE	BDS	23.8	7.5%	1.3	2,211	5.2	1,818	13.1	38,900	31.0%	Link
KDH	BDS	31.2	-0.2%	1.2	1,020	1.6	1,079	28.9	44,100	38.0%	Link
NLG	BDS	39.6	6.9%	1.2	623	8.6	1,643	24.1	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	88.9	-2.8%	1.3	1,383	3.9	8,146	10.9	85,000	18.9%	Link
DPM	Phân bón	32.7	-0.8%	0.9	524	1.6	4,017	8.1	41,000	10.0%	Link
DCM	Phân bón	30.9	-3.4%	1.4	670	2.0	3,050	10.1	36,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	75.2	-1.7%	0.7	7,076	2.2	5,283	14.2	110,500	2.6%	Link
PLX	Dầu khí	34.5	-1.7%	1.0	1,796	0.4	2,628	13.1	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	36.9	-4.4%	1.1	722	4.8	1,846	20.0	38,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	-1.2%	1.0	630	2.7	780	35.4	29,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.4	1.3%	0.9	1,094	1.1	609	18.7	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	-	-	-	-	-	-	-	81,700	-	Link
MSN	F&B	65.8	8.8%	1.5	3,857	5.2	570	115.4	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	44.9	16.6%	1.4	2,690	7.0	476	94.3	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	89.5	11.2%	0.7	1,203	2.0	5,506	16.3	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	90,900	-	Link
GMD	Logistics	70.1	-0.1%	0.9	878	1.5	7,504	9.3	57,000	48.2%	Link
FPT	Công nghệ	95.9	4.4%	0.8	4,989	3.6	5,095	18.8	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.1	22.1%	1.0	7,062	4.8	3,773	8.5	1.3	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	26.3	19.8%	0.9	4,185	7.4	3,838	6.9	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	21.3	18.3%	0.7	2,524	5.8	2,926	7.3	1.5	19.6%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.4	14.1%	0.7	1,828	1.5	2,179	8.0	1.3	2.6%	15.9%
VIB	Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28.8%
VND	Chứng khoán	22.0	4.8%	1.8	1,095	9.6	1,662	13.2	1.6	22.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.3	7.6%	1.1	1,650	2.9	2,027	9.0	1.2	29.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	34.1	8.9%	1.5	2,094	20.0	1,342	25.4	2.3	43.2%	9.0%
CII	Xây dựng	18.2	7.4%	1.9	237	4.7	368	49.5	-4.5	6.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	0.0%	1.8	0	0.3	458	25.6	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	67.7	9.2%	1.3	275	2.2	1,388	48.8	0.8	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.5	9.5%	1.6	261	1.4	1,004	15.4	0.7	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	2.1%	1.6	94	0.9	456	26.4	0.9	2.1%	3.8%
BCM	KCN	61.8	6.2%	0.7	2,620	1.5	432	143.2	3.8	2.1%	1.7%
HUT	KCN	19.5	-2.0%	1.6	713	1.9	54	362.9	1.9	1.6%	1.3%
PHR	KCN	48.7	3.3%	1.3	270	0.2	4,592	10.6	1.8	15.8%	26.9%
SZC	KCN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.9%
HSG	Vật liệu	23.6	9.8%	1.8	594	14.3	49	483.4	1.4	22.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.7	4.1%	1.3	198	0.1	44	286.4	1.0	3.1%	1.3%
NKG	Vật liệu	25.4	10.4%	1.9	274	5.0	(974)	-26.1	1.3	16.0%	13.5%
PTB	Vật liệu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.4%
KSB	Vật liệu	28.7	14.6%	1.6	90	1.2	1,210	23.7	1.1	3.0%	5.8%
NVL	BDS	16.6	-6.2%	2.0	1,326	7.0	(309)	-53.7	0.9	3.5%	1.9%
DXG	BDS	19.0	0.1%	2.2	474	4.4	(456)	-41.5	1.3	20.0%	3.4%
HDC	BDS	31.0	-4.8%	1.8	172	1.0	1,898	16.3	2.2	1.3%	16.9%
DIG	BDS	27.0	9.1%	1.9	673	13.8	182	148.3	2.2	5.2%	1.1%
IJC	BDS	14.6	9.4%	1.6	151	0.6	1,398	10.4	1.0	5.9%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.0	1.1%	1.6	0	5.2	2,493	7.6	1.1	0.8%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.6	1.3%	0.7	352	1.8	2,926	9.1	1.2	12.3%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.7	2.0%	1.1	102	0.1	1,287	23.8	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.5%
REE	Tiện ích	56.2	-1.6%	0.6	941	1.0	5,879	9.6	1.4	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.6	0.7%	2.0	755	4.8	511	42.4	1.5	12.6%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.4	5.8%	0.6	300	0.3	1,718	14.8	1.7	13.4%	16.2%
HDG	Bất động sản	25.8	-6.7%	1.4	322	1.2	2,194	11.7	1.5	22.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	28.4	6.4%	1.6	362	8.3	936	30.3	1.9	8.5%	5.0%
GEG	Tiện ích	12.9	-2.6%	0.6	180	0.1	308	41.8	1.0	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.4	-2.8%	2.1	183	0.8	(118)	-71.3	0.6	1.7%	0.3%
SAB	F&B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.7%
QNS	F&B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24.3%
FRT	Bán lẻ	105.0	2.5%	0.7	586	3.1	(1,103)	-95.2	9.2	36.2%	11.8%
DGW	Bán lẻ	54.5	7.9%	1.6	373	1.8	2,517	21.7	3.5	23.4%	21.9%
DBC	F&B	25.6	3.6%	1.9	254	4.1	(250)	-102.3	1.3	4.5%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.6	5.8%	1.5	112	0.2	735	34.8	1.5	1.0%	5.7%
BAF	F&B	25.0	-1.6%	0.1	147	1.8	399	62.6	2.1	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.4	0.7%	1.5	160	0.9	314	93.5	1.6	3.0%	10.0%
VSC	Logistics	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.9%
HAH	Logistics	38.2	7.7%	1.4	165	1.9	4,676	8.2	1.6	3.9%	24.6%
CTR	Công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32.1%
TNG	Dệt may	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639